

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 20/2012/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 09 tháng 8 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy định Quản lý Tài nguyên
nước trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, năm 2004;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước, năm 1998;

Căn cứ Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27/7/2004 của Chính phủ về việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước;

Căn cứ Nghị định số 38/2011/NĐ-CP ngày 26/5/2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều quy định về thủ tục hành chính tại Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004, Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27/7/2004 và Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường số 02/2005/TT-BTNMT ngày 24/6/2005 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27/7/2004 về việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và Thông tư số 36/2011/TT-BTNMT sửa đổi, bổ sung Quy định cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất ban hành kèm theo Quyết định số 17/2006/QĐ-BTNMT ngày 12/10/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định về cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 531/STNMT-TNN ngày 11/6/2012 về việc ban hành Quy định Quản lý Tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định Quản lý Tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày kể từ ngày ký ban hành. Giao Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**T/M. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Nhữ Văn Tâm

QUY ĐỊNH**Quản lý Tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 20/2012/QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi áp dụng**

Quy định này quy định các hoạt động về quản lý, bảo vệ, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước (trừ nước khoáng và nước nóng thiên nhiên), xả nước thải vào nguồn nước, hành nghề khoan nước dưới đất (gọi chung là hoạt động tài nguyên nước) trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài (sau đây gọi chung là tổ chức, cá nhân) có hoạt động liên quan đến tài nguyên nước và các cơ quan quản lý Nhà nước thực hiện nhiệm vụ quản lý về tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong quy định này các cụm từ “nguồn nước”; “nước mặt”; “nước dưới đất”; “nước sinh hoạt”; “bảo vệ nguồn nước”; “khai thác nguồn nước”; “vùng bảo hộ vệ sinh nguồn nước”; “ô nhiễm nguồn nước”; “giấy phép về tài nguyên nước”; “suy thoái, cạn kiệt nguồn nước” được hiểu theo quy định của Điều 3, Luật Tài nguyên nước năm 1998 và “*khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước*” được hiểu theo quy định của Điều 3, Thông tư số 02/2009/TT-BTNMT ngày 19/3/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước.

Chương II**BẢO VỆ TÀI NGUYÊN NƯỚC****Điều 4. Các hành vi bị nghiêm cấm**

1. Đối với khu vực trong hành lang bảo vệ nước mặt, hồ chứa và vùng lòng hồ.

a. Các hoạt động gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước và môi trường, làm biến dạng địa hình, làm mất cảnh quan môi trường.

b. Hủy hoại hoặc làm hư hỏng các công trình liên quan của hồ chứa; làm tổn hại đến nguồn nước mặt, không đảm bảo an toàn và tính bền vững của hồ chứa.

c. Lấn chiếm, xây dựng mới công trình, nhà ở không theo quy hoạch; đổ đất đá, cát sỏi, chất thải rắn, nước thải không đạt tiêu chuẩn môi trường vào nguồn nước mặt và hồ chứa.

d. Khai thác các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng đang cư trú trong vùng lòng hồ, vùng nước mặt; nuôi trồng các loài động, thực vật lạ không rõ nguồn gốc, xâm hại nghiêm trọng đến hệ động vật, thực vật vùng lòng hồ, vùng nước mặt.

2. Đối với các hoạt động thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất.

a. Thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước dưới đất, hành nghề khoan nước dưới đất trái với các quy định của pháp luật về tài nguyên nước.

b. Chôn lấp chất thải vào các lỗ khoan, giếng khoan, giếng đào hoặc các công trình thu nước dưới đất khác.

c. Thải nước thải chưa được xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường tràn lan trên mặt đất, xuống giếng thấm, ao thấm, hồ thấm, mương thấm và không đúng nơi quy định.

d. Đưa nước thải, chôn lấp các chất độc, chất phóng xạ, xác động vật dịch bệnh và chất thải nguy hại khác vào trong các tầng chứa nước hoặc vào lòng đất không đúng quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về bảo vệ môi trường.

đ. Hủy hoại nguồn nước dưới đất, che dấu hành vi hủy hoại nguồn nước dưới đất, cản trở hoạt động bảo vệ nước dưới đất, làm sai lệch thông tin dẫn đến gây hậu quả nghiêm trọng đối với số lượng, chất lượng nguồn nước dưới đất.

e. Không trám, lấp giếng theo quy định của pháp luật.

g. Các hành vi bị nghiêm cấm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Vùng cấm xây dựng mới công trình khai thác nước dưới đất

1. Vùng cấm xây dựng mới công trình khai thác nước dưới đất, tăng lưu lượng của các công trình khai thác nước dưới đất hiện có (sau đây gọi tắt là vùng cấm khai thác) là vùng thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Vùng có mực nước dưới đất bị hạ thấp vượt quá giới hạn cho phép.

b) Vùng có tổng lượng nước dưới đất được khai thác vượt quá trữ lượng có thể khai thác mà chưa thực hiện phương án bổ cập nước dưới đất.

c) Vùng nằm trong phạm vi khoảng cách không an toàn môi trường đối với các bãi rác thải tập trung, bãi chôn lấp chất thải, nghĩa trang và các nguồn thải nguy hại khác.

d) Vùng có nguy cơ bị sụt lún đất, biến dạng công trình, ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng do khai thác nước dưới đất gây ra.

đ) Vùng cấm khai thác khác do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định.

2. Căn cứ mức độ nguy hại, ngoài việc cấm xây dựng mới công trình khai thác nước dưới đất và tăng lưu lượng của các công trình khai thác nước dưới đất hiện có, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có thể quyết định:

a) Giảm lưu lượng khai thác hoặc số lượng công trình khai thác nước dưới đất hiện có, đối với trường hợp quy định tại Điểm a và b Khoản 1 Điều này.

b) Cấm toàn bộ hoạt động khai thác nước dưới đất hoặc giảm số lượng công trình, lưu lượng khai thác nước dưới đất hiện có đối với trường hợp quy định tại Điểm c và d Khoản 1 Điều này.

3. Việc thực hiện các quy định tại Khoản 2 Điều này phải có lộ trình, bảo đảm không gây gián đoạn việc cấp nước sinh hoạt, sản xuất. Tổ chức, cá nhân có công trình khai thác thuộc diện phải trám lấp, phải thực hiện việc trám lấp giếng theo Quyết định số 14/2007/QĐ-BTNMT ngày 04/9/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng (sau đây gọi là Quyết định số 14).

4. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với các trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này, trừ các công trình khai thác nước dưới đất có lưu lượng từ $3.000\text{m}^3/\text{ngày}$ đem trở lên và đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép khai thác nước dưới đất.

Điều 6. Vùng hạn chế xây dựng mới công trình khai thác nước dưới đất

1. Vùng hạn chế xây dựng mới công trình khai thác nước dưới đất (sau đây gọi tắt là vùng hạn chế khai thác) là vùng liền kề với vùng cấm khai thác nước dưới đất quy định tại Khoản 1 Điều 5 của Quy định này hoặc vùng thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Vùng có mực nước dưới đất bị suy giảm liên tục và hạ thấp gần tới giới hạn cho phép.

b) Vùng có tổng lượng nước khai thác gần đạt tới trữ lượng có thể khai thác.

c) Vùng có nguy cơ sụt lún đất, gia tăng ô nhiễm nguồn nước do khai thác nước dưới đất gây ra.

d) Vùng nằm trong các đô thị, khu dân cư tập trung ở nông thôn, khu, cụm công nghiệp tập trung, làng nghề đã có hệ thống cấp nước tập trung và chất lượng dịch vụ cấp nước bảo đảm đáp ứng yêu cầu chất lượng, số lượng.

đ) Vùng có nguồn nước dưới đất bị ô nhiễm hoặc có dấu hiệu ô nhiễm nhưng chưa có giải pháp công nghệ xử lý bảo đảm chất lượng.

e) Vùng hạn chế khai thác khác do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định.

2. Trong vùng hạn chế khai thác, chỉ được tăng lưu lượng khai thác của các công trình hiện có hoặc xây dựng các công trình khai thác nước dưới đất mới để phục vụ cấp nước ăn uống, sinh hoạt, hoặc cấp nước cho các lĩnh vực sản xuất, dịch vụ ít tiêu tốn nước, có hiệu quả kinh tế cao và phải bảo đảm các điều kiện sau:

a) Tổng lượng nước dưới đất khai thác nhỏ hơn trữ lượng có thể khai thác.

b) Không làm tăng nguy cơ gây sụt lún, xâm nhập mặn, ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước dưới đất trong vùng hoặc làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng khai thác nước dưới đất của các công trình khai thác nước dưới đất liền kề hiện có.

c) Phù hợp với quy hoạch khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Trường hợp quy định tại Điểm d và đ Khoản 1 Điều này, ngoài các quy định tại Khoản 2 còn hạn chế việc xây dựng mới công trình khai thác nước dưới đất quy mô nhỏ hoặc khoan giếng phục vụ cấp nước trong phạm vi hộ gia đình. Trường hợp đặc biệt thì phải được sự chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chương III

QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG TÀI NGUYÊN NƯỚC

Điều 7. Thẩm quyền và trách nhiệm của các sở, ban ngành cấp tỉnh

1. Sở Tài nguyên và Môi trường.

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan lập quy hoạch, kế hoạch quản lý, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống suy thoái, cạn kiệt nguồn nước; tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.

b) Tổ chức thẩm định các đề án, dự án về khai thác, sử dụng tài nguyên nước, chuyển nước giữa các lưu vực sông thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Tổ chức thẩm định, phê duyệt cấp các loại giấy phép về lĩnh vực tài nguyên nước theo uỷ quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

d) Tổ chức thực hiện việc xác định ngưỡng giới hạn khai thác nước đối với các sông, các tầng chứa nước, các khu vực dự trữ nước, các khu vực hạn chế khai thác nước; kế hoạch điều hòa, phân bổ tài nguyên nước trên địa bàn.

đ) Tổ chức thẩm định hồ sơ cấp phép, gia hạn, điều chỉnh nội dung, đình chỉ hiệu lực và thu hồi giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, giấy phép xả nước thải vào nguồn nước và giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh; thực hiện việc thu phí, lệ phí về tài nguyên nước theo quy định của pháp luật; thanh tra, kiểm tra các hoạt động về tài nguyên nước quy định.

e) Tổ chức thực hiện công tác điều tra cơ bản, kiểm kê, thống kê, lưu trữ số liệu tài nguyên nước trên địa bàn; tổ chức quản lý, khai thác các công trình quan trắc tài nguyên nước do địa phương đầu tư xây dựng.

g) Tổng hợp tình hình khai thác, sử dụng nước, các nguồn thải vào nguồn nước trên địa bàn; lập danh mục các nguồn nước bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt.

h) Hướng dẫn, kiểm tra việc trám lấp giếng khoan không sử dụng theo quy định của pháp luật.

i) Tham gia tổ chức phối hợp liên ngành của Trung ương, thường trực tổ chức phối hợp liên ngành của địa phương về quản lý, khai thác, bảo vệ nguồn nước lưu vực sông.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện các quy hoạch bảo vệ, điều tiết và khai thác, sử dụng có hiệu quả các công trình thủy lợi phục vụ cho việc nuôi trồng thủy sản, sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, cấp nước sinh hoạt nông thôn theo quy định.

b) Hàng năm tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả tình hình khai thác, sử dụng tài nguyên nước phục vụ nuôi trồng thủy sản, sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, cấp nước sinh hoạt và VSMT nông thôn theo lĩnh vực được giao.

3. Sở Khoa học và Công nghệ.

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thẩm định các đề tài, dự án nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ trong lĩnh vực hoạt động về tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh.

b) Xây dựng các kế hoạch dài hạn, ngắn hạn về nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực tài nguyên nước. Triển khai, chuyển giao ứng dụng các kết quả của đề tài, dự án liên quan đến lĩnh vực tài nguyên nước vào sản xuất và đời sống.

4. Sở Xây dựng.

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch cấp, thoát nước đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư tập trung theo quy định của Bộ Xây dựng.

5. Sở Giao thông Vận tải.

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch mạng lưới giao thông thủy, các công trình giao thông thủy theo quy định của Bộ Giao thông Vận tải.

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổng hợp kế hoạch đầu tư kinh phí cho các dự án về quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

7. Sở Tài chính.

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan xây dựng kế hoạch phân bổ kinh phí cho các hoạt động quản lý tài nguyên nước, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định; thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến thuế tài nguyên nước, phí, lệ phí quản lý tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.

8. Sở Công thương.

a) Tham gia phối hợp với các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xây dựng quy hoạch, kế hoạch cấp, thoát nước phục vụ sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

b) Tham gia kiểm tra công tác quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên nước tại các khu, cụm công nghiệp, các làng nghề, các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất công nghiệp.

9. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xây dựng, tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước phục vụ cho hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch,

b) Tham gia kiểm tra, giám sát công tác quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho các hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch.

10. Ban Quản lý Khu công nghiệp Tỉnh.

Có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị liên quan thực hiện công tác quản lý hoạt động khai thác sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải đối với các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp.

11. Công an tỉnh và Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh.

Phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các Sở, ngành liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện các quy hoạch, kế hoạch khai thác tài nguyên nước phục vụ cho an ninh, quốc phòng trên địa bàn tỉnh; thực hiện các nhiệm vụ liên quan trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của ngành.

12. Trung tâm Dự báo Khí tượng thủy văn Thái Nguyên.

Cung cấp cho Sở Tài nguyên và Môi trường: Danh mục vị trí các trạm thủy văn chuyên dùng; danh mục các tài liệu khí tượng thủy văn hiện có; danh mục các yếu tố khí tượng thủy văn được quan trắc; các điều kiện khí tượng thủy văn chủ yếu trên địa bàn tỉnh.

Định kỳ vào ngày cuối tháng có trách nhiệm cung cấp kết quả quan trắc khí tượng thủy văn trong tháng và dự báo tình hình tháng tiếp theo trên địa bàn tỉnh cho Sở Tài nguyên và Môi trường.

13. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Thái Nguyên, các tổ chức đoàn thể.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Thái Nguyên, các tổ chức đoàn thể theo chức năng, nhiệm vụ tổ chức tuyên truyền, vận động các thành viên, tổ chức và nhân dân tham gia bảo vệ tài nguyên nước; giám sát việc thực hiện pháp luật về tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh.

Điều 8. Thẩm quyền, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về tài nguyên nước trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố theo quy định của pháp luật và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về tài nguyên nước theo quy định của pháp luật; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ đối với công chức chuyên môn về tài nguyên nước của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

3. Thực hiện kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về tài nguyên nước; Chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn lập kế hoạch bảo vệ các công trình quan trắc tài nguyên nước trên địa bàn huyện quản lý.

4. Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện việc xử lý nước thải đô thị, khu dân cư tập trung trong phạm vi địa phương, bảo đảm tiêu chuẩn cho phép trước khi xả nước thải vào nguồn nước.

5. Xây dựng, thực hiện các biện pháp bảo vệ nguồn nước; phòng, chống, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra, kết hợp với việc bảo vệ môi trường, tài nguyên khác, bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân, tài sản của Nhà nước.

6. Điều tra, thống kê và phân loại giếng khoan phải trám lấp theo chỉ đạo, hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường; tiếp nhận thông báo trám lấp, thẩm định kết quả trám lấp của chủ giếng thuộc đối tượng theo quy định của pháp luật.

7. Rà soát, thống kê, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân hành nghề khoan nước dưới đất không có giấy phép trên địa bàn quản lý, gây ô nhiễm nguồn nước.

8. Thực hiện tổng hợp, lưu trữ các số liệu đăng ký khai thác, sử dụng tài nguyên nước trên địa bàn các xã, phường, thị trấn; báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường về tình hình quản lý tài nguyên nước trên địa bàn.

Điều 9. Thẩm quyền, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước trên địa bàn xã, phường, thị trấn theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện việc thẩm định hồ sơ xác nhận bản đăng ký khai thác sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước trong phạm vi quy mô hộ gia đình trên địa bàn xã, phường, thị trấn do địa phương quản lý.

3. Thực hiện thống kê, theo dõi, giám sát tình hình khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước trên địa bàn; tham gia công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả do nước gây ra trên địa bàn.

4. Tham gia hòa giải, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về lĩnh vực tài nguyên nước trên địa bàn quản lý theo quy định của pháp luật; phát hiện các trường hợp vi phạm hoạt động tài nguyên nước, xử lý theo thẩm quyền và kiến nghị cơ quan thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

5. Tổ chức niêm yết, công khai danh mục giếng phải trám lấp, nhận thông báo, kết quả trám lấp của chủ giếng và kiểm tra, giám sát việc thực hiện các trình tự, thủ tục trám lấp giếng đúng quy định.

6. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về tình hình quản lý tài nguyên nước trên địa bàn quản lý cho Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã.

Chương IV

ĐĂNG KÝ, CẤP PHÉP HOẠT ĐỘNG TÀI NGUYÊN NƯỚC

Điều 10. Nguyên tắc cấp giấy phép và nguyên tắc hoạt động thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất

1. Nguyên tắc cấp giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất:

Việc cấp giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây:

a) Cấp phép phải đúng thẩm quyền, đúng đối tượng và trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

b) Phải bảo đảm lợi ích của Nhà nước; quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân liên quan và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

c) Ưu tiên cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước để cung cấp nước sinh hoạt.

d) Hạn chế việc khai thác, hành nghề khoan nước dưới đất để tránh sự cạn kiệt nguồn nước dưới đất nhằm đảm bảo việc khai thác tài nguyên nước hợp lý, bền vững và ổn định lâu dài. Không cấp mới hoặc gia hạn các loại giấy phép thăm dò, khai thác nước dưới đất trong các trường hợp sau:

- Tại các khu vực đã có hệ thống cung cấp nước máy ổn định, đảm bảo cung cấp đầy đủ các nhu cầu sử dụng nước cho các tổ chức, cá nhân.

- Khu vực thăm dò, khai thác của tổ chức, cá nhân nằm cách đường ống cấp nước trong phạm vi bán kính nhỏ hơn hoặc bằng 200m (hai trăm mét).

đ) Việc cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước phải trên cơ sở đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước theo Thông tư số 02/2009/TT-BTNMT ngày 19/3/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước.

2. Nguyên tắc hoạt động thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất:

a) Không gây cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước khi thực hiện việc thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước.

b) Khai thác nước dưới đất trong một vùng không được vượt quá trữ lượng nước khai thác của vùng đó; khi nước dưới đất tại vùng khai thác đã đạt tới trữ lượng có thể khai thác thì không được mở rộng quy mô khai thác, nếu chưa có biện pháp xử lý, bổ sung nhân tạo.

c) Việc xả nước thải vào nguồn nước phải tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành về phân vùng môi trường tiếp nhận nước thải.

d) Tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất ở quy mô nào thì được phép hành nghề ở quy mô đó và các quy mô nhỏ hơn.

đ) Tất cả các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất đều phải lập thủ tục cấp giấy phép, đăng ký, trừ các trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 11 Quy định này.

Điều 11. Đối tượng phải xin cấp, gia hạn, điều chỉnh nội dung, đình chỉ hiệu lực giấy phép, đăng ký trong hoạt động tài nguyên nước

1. Đối tượng phải xin cấp, gia hạn, điều chỉnh nội dung, đình chỉ hiệu lực giấy phép trong hoạt động tài nguyên nước do Ủy ban nhân dân tỉnh cấp:

- Thăm dò, khai thác nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng từ 1000m³/ngày đêm đến dưới 3000m³/ngày đêm.

- Khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 1m³/giây đến dưới 2m³/giây.

- Khai thác, sử dụng nước mặt để phát điện với công suất lắp máy từ 1000KW đến dưới 2000KW.

- Khai thác, sử dụng nước mặt cho các mục đích khác với lưu lượng từ 20.000m³/ngày đêm đến dưới 50.000m³/ngày đêm.

- Xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng từ $2000\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm đến dưới $5000\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh uỷ quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường cấp, gia hạn, điều chỉnh nội dung, đình chỉ hiệu lực các loại giấy phép thuộc lĩnh vực tài nguyên nước đối với các trường hợp sau:

- Thăm dò, khai thác nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng từ $20\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm đến dưới $1000\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm.

- Khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ trên $0,02\text{m}^3/\text{giây}$ đến dưới $1\text{m}^3/\text{giây}$, hoặc khai thác sử dụng nước mặt để phát điện với công suất lắp máy trên 50KW đến dưới 1000KW .

- Khai thác, sử dụng nước mặt cho các mục đích khác với lưu lượng từ $100\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm đến dưới $20.000\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm.

- Xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng từ $10\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm đến dưới $2000\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm.

- Cấp và thu hồi giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh với quy mô vừa và nhỏ theo quy định của pháp luật.

3. Đối tượng phải đăng ký trong hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

a) Đối với nước dưới đất:

Khai thác nước dưới đất để phục vụ sinh hoạt trong phạm vi gia đình, sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, sản xuất tiểu thủ công nghiệp, sinh hoạt trong các cơ quan Nhà nước, các cơ sở giáo dục đào tạo và khám chữa bệnh, cơ sở tôn giáo, không nhằm mục đích kinh doanh với quy mô từ $05\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm đến dưới $20\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm (đối với giếng đào chiều sâu giếng từ trên 10 mét đến dưới 20 mét, đường kính giếng từ trên 01 mét đến dưới 03 mét; Giếng khoan có chiều sâu lớn hơn 15 mét đến dưới 30 mét, đường kính giếng từ lớn hơn 60mm đến dưới 90mm).

b) Đối với nước mặt:

- Khai thác, sử dụng nước mặt để phát điện không có chuyển đổi dòng chảy với công suất lắp máy từ 25KW đến dưới 50KW .

- Khai thác, sử dụng nước mặt để phục vụ sinh hoạt trong phạm vi hộ gia đình, sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, sản xuất tiểu thủ công nghiệp, thủy điện, sinh hoạt trong các cơ quan Nhà nước, các cơ sở giáo dục đào tạo và khám

chữa bệnh, cơ sở tôn giáo, không nhằm mục đích kinh doanh với quy mô từ $25\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm đến dưới $100\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm.

c) Đối với xả nước thải vào nguồn nước:

Xả nước thải vào nguồn nước với quy mô từ $04\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm đến dưới $10\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm được áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất và sinh hoạt không nhằm mục đích kinh doanh.

4. Đối tượng không phải đăng ký trong hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

a) Đối với nước dưới đất:

Khai thác, sử dụng nước dưới đất để phục vụ sinh hoạt trong phạm vi gia đình, sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, sản xuất tiểu thủ công nghiệp, sinh hoạt trong các cơ quan Nhà nước, các cơ sở giáo dục đào tạo và khám chữa bệnh, cơ sở tôn giáo không nhằm mục đích kinh doanh với quy mô nhỏ hơn $05\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm (đối với giếng đào chiều sâu giếng $\leq 10\text{m}$ ét, đường kính giếng $\leq 01\text{m}$ ét; Giếng khoan có chiều sâu nhỏ hơn 15m ét, đường kính giếng $\leq 60\text{mm}$).

b) Đối với nước mặt:

- Khai thác, sử dụng nước mặt để phát điện không có chuyển đổi dòng chảy với công suất lắp máy nhỏ hơn 25KW .

- Khai thác, sử dụng nước mặt để phục vụ sinh hoạt trong phạm vi gia đình, sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, sản xuất tiểu thủ công nghiệp, thủy điện, sinh hoạt trong các cơ quan Nhà nước, các cơ sở giáo dục đào tạo, cơ sở tôn giáo không nhằm mục đích kinh doanh với quy mô nhỏ hơn $25\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm.

- Khai thác, sử dụng nước mặt trong phạm vi đất được giao, được thuê phục vụ các hoạt động lâm nghiệp, giao thông thủy, nuôi trồng thủy sản, hải sản, thể thao, giải trí, du lịch, y tế, an dưỡng, nghiên cứu khoa học được áp dụng trong trường hợp khai thác, sử dụng nước từ các ao, hồ tự nhiên được hình thành từ mưa trong phạm vi đất được giao, được thuê hoặc được quyền sử dụng hợp lệ theo quy định của pháp luật về đất đai.

c) Đối với xả nước thải vào nguồn nước:

Xả nước thải vào nguồn nước với quy mô nhỏ hơn $4\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm được áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân hộ gia đình có hoạt động sản xuất, sinh hoạt không nhằm mục đích kinh doanh.

5. Các đối tượng có hoạt động sản xuất kinh doanh khai thác sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước với quy mô lớn hơn quy định tại Khoản 1, Điều 11 Quy định này, thì phải thực hiện xin phép tại Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

Điều 12. Thẩm quyền cấp giấy phép, xác nhận bản đăng ký khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước

1. Ủy ban nhân dân tỉnh cấp, gia hạn, điều chỉnh nội dung, đình chỉ hiệu lực và thu hồi giấy phép trong các trường hợp quy định tại Khoản 1, Điều 11 của Quy định này.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường cấp, gia hạn, điều chỉnh nội dung, đình chỉ hiệu lực và thu hồi giấy phép trong các trường hợp quy định tại Khoản 2, Điều 11 của Quy định này.

3. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn ký xác nhận bản đăng ký hoạt động khai thác sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước đối với các đối tượng quy định tại khoản 3, Điều 11 của Quy định này.

Điều 13. Cơ quan tiếp nhận và quản lý lưu trữ hồ sơ, giấy phép và hồ sơ đăng ký hoạt động khai thác sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm tiếp nhận và quản lý, lưu trữ hồ sơ, giấy phép hoạt động khai thác sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 11 Quy định này.

2. Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thành phố, thị xã chịu trách nhiệm tiếp nhận tổng hợp, quản lý, lưu trữ hồ sơ đăng ký hoạt động khai thác sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước trên địa bàn từ các huyện, thành phố, thị xã gửi lên.

3. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm tiếp nhận, quản lý và lưu trữ hồ sơ đăng ký hoạt động tài nguyên nước quy định tại Khoản 3, Điều 11 của Quy định này.

Điều 14. Thời hạn, gia hạn giấy phép

1. Thời hạn của giấy phép thăm dò nước dưới đất không quá 03 (ba) năm và được xem xét gia hạn nhưng thời gian gia hạn không quá 02 (hai) năm.

2. Thời hạn của giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt không quá 20 (hai mươi) năm và được xem xét gia hạn nhưng thời gian gia hạn không quá (10) mười năm.

3. Thời hạn của giấy phép khai thác nước dưới đất không quá 15 (mười lăm) năm và được xem xét gia hạn nhưng thời gian gia hạn không quá 10 (mười) năm. Đối với trường hợp nguồn nước đảm bảo khai thác ổn định lâu dài, thời hạn tối thiểu của giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất là 05 (năm) năm.

4. Thời hạn của giấy phép xả nước thải vào nguồn nước không quá 10 (mười) năm, được xem xét gia hạn nhưng thời gian gia hạn không quá 05 (năm) năm.

5. Thời hạn của giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất không quá 05 (năm) năm, được xem xét gia hạn nhiều lần, mỗi lần gia hạn không quá 03 (ba) năm.

6. Việc xin gia hạn giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước phải căn cứ vào các quy định tại Điều 10 của Quy định này (Đối với giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất phải căn cứ vào Điều 6, Quyết định 17/2006/QĐ-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định về việc cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất) và các điều kiện sau:

a) Tại thời điểm xin gia hạn, chủ giấy phép đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ quy định tại Điều 23 của Quy định này.

b) Giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước còn hiệu lực không ít hơn 03 (ba) tháng tại thời điểm xin gia hạn.

7. Thời hạn, thời gian gia hạn giấy phép khai thác nước dưới đất; giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt; giấy phép xả nước thải vào nguồn nước do cơ quan cấp giấy phép quyết định trên cơ sở các quy định tại Điều 10, Khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Điều này và cần xem xét các yếu tố sau đây:

7.1. Đối với khai thác, sử dụng nước dưới đất:

a) Mục đích khai thác sử dụng nước.

b) Quy hoạch khai thác, sử dụng nước dưới đất tại vùng đề nghị khai thác; trường hợp chưa có quy hoạch thì căn cứ vào tiềm năng nguồn nước dưới đất.

c) Mức độ chi tiết của việc thăm dò nước dưới đất và cấp trữ lượng được đánh giá.

d) Hiện trạng khai thác, sử dụng nước dưới đất trong vùng.

7.2. Đối với khai thác, sử dụng nước mặt:

a) Mục đích khai thác, sử dụng nước.

b) Quy hoạch khai thác, sử dụng nước mặt tại vùng đề nghị khai thác; trường hợp chưa có quy hoạch thì phải căn cứ vào tiềm năng nguồn nước.

c) Mức độ chi tiết của việc đánh giá nguồn cấp nước.

d) Hiện trạng khai thác, sử dụng nguồn nước.

7.3. Đối với xả nước thải vào nguồn nước:

a) Lưu lượng, phương thức xả nước thải.

b) Thông số, nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải.

c) Quy trình công nghệ xử lý nước thải.

d) Mục tiêu chất lượng nguồn nước tiếp nhận nước thải.

đ) Kế hoạch giám sát, quan trắc chất lượng nguồn nước tiếp nhận nước thải.

e) Kế hoạch giảm thiểu ô nhiễm của tổ chức, cá nhân xin phép xả nước thải.

g) Kế hoạch quản lý, xây dựng hệ thống xử lý nước thải của khu vực, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Điều 15. Thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép

Việc thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

1. Đối với giấy phép thăm dò nước dưới đất.

a) Điều kiện mặt bằng không cho phép thi công một số hạng mục trong đề án thăm dò đã được phê duyệt.

b) Có sự khác biệt giữa cấu trúc địa chất thủy văn thực tế và cấu trúc địa chất thủy văn dự kiến trong đề án thăm dò đã được phê duyệt.

c) Khối lượng các hạng mục thăm dò thay đổi vượt quá 10% so với khối lượng tương ứng đã được phê duyệt.

2. Đối với giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

a) Nguồn nước không đảm bảo việc cung cấp nước bình thường.

b) Nhu cầu khai thác, sử dụng nước tăng mà chưa có biện pháp xử lý, bổ sung nguồn nước.

c) Xảy ra tình huống đặc biệt cần phải hạn chế khai thác, sử dụng nước.

d) Khai thác nước gây sụt lún mặt đất, biến dạng công trình, cạn kiệt, ô nhiễm nghiêm trọng nguồn nước dưới đất.

3. Đối với giấy phép xả nước thải vào nguồn nước.

a) Nguồn nước không còn khả năng tiếp nhận.

b) Nhu cầu xả nước thải tăng mà chưa có biện pháp xử lý, khắc phục.

c) Xảy ra các tình huống đặc biệt cần hạn chế việc xả nước thải vào nguồn nước.

4. Đối với giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất.

a) Việc điều chỉnh nội dung giấy phép được xem xét trong trường hợp chủ giấy phép đề nghị thay đổi quy mô hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường Thái Nguyên quyết định thay đổi quy mô hành nghề do chủ giấy phép không còn đáp ứng điều kiện hành nghề đối với quy mô hành nghề theo giấy phép đã được cấp.

b) Trường hợp cơ quan cấp phép quyết định điều chỉnh nội dung giấy phép thì cơ quan cấp phép thông báo cho chủ giấy phép biết trước 30 (ba mươi) ngày.

c) Việc xem xét điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất phải căn cứ điều kiện quy định tại Điều 6, Quyết định 17/2006/QĐ-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất và Khoản 6, Điều 14 của Quy định này.

5. Trường hợp chủ giấy phép đề nghị thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước, hành nghề khoan nước dưới đất thì chủ giấy phép phải thực hiện các thủ tục quy định tại Khoản 1.5, 2.5 và Khoản 3, Điều 20 của Quy định này.

6. Các nội dung trong giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước không được thay đổi, điều chỉnh:

a) Tên chủ giấy phép.

b) Nguồn nước khai thác, sử dụng; nguồn nước tiếp nhận nước thải.

c) Lượng nước khai thác, sử dụng vượt quá 25% quy định trong giấy phép đã được cấp.

d) Lượng nước xả thải vượt quá 25% quy định trong giấy phép đã được cấp.

đ) Thông số, nồng độ các chất ô nhiễm quy định trong giấy phép xả nước thải.

Điều 16. Đình chỉ hiệu lực của giấy phép

1. Giấy phép bị đình chỉ hiệu lực trong các trường hợp sau đây:

- a) Tổ chức, cá nhân được cấp phép vi phạm các nội dung quy định của giấy phép.
- b) Tổ chức, cá nhân được cấp phép tự ý chuyển nhượng giấy phép.
- c) Tổ chức, cá nhân được cấp phép lợi dụng giấy phép để tổ chức hoạt động không đúng quy định trong nội dung giấy phép.

2. Khi thực hiện công tác thanh, kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất, nếu phát hiện tổ chức, cá nhân được cấp phép vi phạm các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều này, thì người có thẩm quyền thanh, kiểm tra có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản cho cấp có thẩm quyền. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được báo cáo, cấp có thẩm quyền có trách nhiệm xem xét việc đình chỉ hiệu lực của giấy phép.

3. Căn cứ mức độ vi phạm của chủ giấy phép, mức độ ảnh hưởng của việc đình chỉ giấy phép đến hoạt động sản xuất, đời sống của nhân dân trong vùng, cấp có thẩm quyền quyết định thời gian và thời hạn đình chỉ hiệu lực của giấy phép, nhưng thời hạn đình chỉ không quá:

- a) 03 (ba) tháng đối với giấy phép thăm dò nước dưới đất.
- b) 06 (sáu) tháng đối với giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước.
- c) 06 (sáu) tháng đối với giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh có thể xem xét rút ngắn thời hạn đình chỉ hiệu lực của giấy phép khi chủ giấy phép đã khắc phục hậu quả liên quan đến lý do đình chỉ giấy phép.

Điều 17. Thu hồi giấy phép

1. Việc thu hồi giấy phép được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

- a) Tổ chức, cá nhân là chủ giấy phép bị giải thể hoặc bị Tòa án tuyên bố phá sản; cá nhân là chủ giấy phép bị chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị tuyên bố mất tích.
- b) Giấy phép được cấp nhưng không sử dụng trong 12 (mười hai) tháng liên tục mà không được cấp có thẩm quyền cho phép.
- c) Chủ giấy phép vi phạm quyết định đình chỉ hiệu lực của giấy phép.
- d) Chủ giấy phép vi phạm nội dung quy định của giấy phép, gây cạn kiệt, ô nhiễm nghiêm trọng nguồn nước.
- đ) Giấy phép được cấp không đúng thẩm quyền.

e) Khi cấp có thẩm quyền thu hồi giấy phép vì lý do quốc phòng, an ninh hoặc vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng.

2. Trong trường hợp giấy phép bị thu hồi do chủ giấy phép vi phạm quy định tại các Điểm b và c Khoản 1 Điều này, chủ giấy phép chỉ được xem xét, cấp giấy phép mới sau 03 (ba) năm kể từ ngày bị thu hồi, nếu đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ liên quan đến lý do thu hồi giấy phép cũ.

3. Trong trường hợp giấy phép bị thu hồi theo quy định tại các Điểm đ và e Khoản 1 Điều này, thì cấp có thẩm quyền cấp phép xem xét việc cấp giấy phép mới khi chủ giấy phép có yêu cầu.

4. Khi thực hiện công tác thanh, kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất, nếu phát hiện tổ chức, cá nhân được cấp phép vi phạm các nội dung quy định tại các Điểm a, b và đ Khoản 1 Điều này, thì người có thẩm quyền thanh, kiểm tra có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản cho cấp có thẩm quyền cấp phép; nếu phát hiện các trường hợp quy định tại các Điểm c và d Khoản 1 Điều này, thì người có thẩm quyền thanh, kiểm tra xử lý theo thẩm quyền và báo cáo bằng văn bản cho cấp có thẩm quyền. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được báo cáo, cấp có thẩm quyền cấp phép có trách nhiệm xem xét việc thu hồi giấy phép.

5. Đối với trường hợp cấp có thẩm quyền cấp phép quyết định thu hồi giấy phép theo quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều này thì phải thông báo cho chủ giấy phép biết trước 30 (ba mươi) ngày.

Điều 18. Trả lại giấy phép

1. Trường hợp không sử dụng giấy phép, chủ giấy phép có quyền trả lại giấy phép cho cấp có thẩm quyền cấp phép, đồng thời có văn bản giải trình lý do.

2. Tổ chức, cá nhân đã trả lại giấy phép chỉ được xem xét, cấp giấy phép mới sau 02 (hai) năm kể từ ngày trả lại giấy phép.

Điều 19. Chấm dứt hiệu lực của giấy phép

1. Giấy phép bị chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau đây:

- a) Giấy phép bị thu hồi.
- b) Giấy phép đã hết hạn.
- c) Giấy phép đã được trả lại.

2. Khi giấy phép bị chấm dứt hiệu lực thì các quyền liên quan đến giấy phép cũng chấm dứt.

Điều 20. Trình tự, thủ tục cấp, gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép về lĩnh vực tài nguyên nước

1. Trình tự, thủ tục cấp, gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép về lĩnh vực tài nguyên nước do Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên cấp

1.1. Trình tự, thủ tục cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất với lưu lượng từ 1000m³ đến dưới 3000m³/ngày đêm.

a) Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép:

Tổ chức, cá nhân nộp 02 (hai) bộ hồ sơ tại cơ quan Sở Tài nguyên Môi trường (thông qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả). Thành phần hồ sơ gồm:

- + Đơn đề nghị cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất.
- + Đề án thăm dò nước dưới đất.

b) Trình tự cấp giấy phép: *(12 ngày làm việc)*.

- Hồ sơ xin cấp giấy phép gửi Sở Tài nguyên và Môi trường nộp qua Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả. Nếu hồ sơ hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, ghi phiếu hẹn, chuyển hồ sơ đến Phòng Quản lý Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn.

- Trong thời gian 07 (bảy) ngày làm việc, Phòng Quản lý tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế khi cần thiết, nếu đủ căn cứ cấp phép thì tham mưu cho lãnh đạo Sở trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, cấp phép (không kể thời gian lấy ý kiến các ngành hữu quan). Trường hợp không đủ điều kiện để cấp phép, Phòng Quản lý tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn chuyển hồ sơ cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân xin phép và thông báo bằng văn bản lý do không cấp phép.

- Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định cấp phép, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời gian 03 (ba) ngày làm việc.

- Trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, Phòng Quản lý tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn viết giấy phép trình lãnh đạo sở ký, đồng thời gửi thông báo mức phí và lệ phí tới tổ chức, cá nhân. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trao giấy phép cho tổ chức, cá nhân theo giấy hẹn.

1.2. Trình tự, thủ tục cấp giấy phép khai thác nước dưới đất với lưu lượng từ 1000m³ đến dưới 3000m³/ngày đêm.

a) Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép:

Tổ chức, cá nhân nộp 02 (hai) bộ hồ sơ tại cơ quan Sở Tài nguyên Môi trường (thông qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả). Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác nước dưới đất.
- Báo cáo khai thác nước dưới đất (đối với trường hợp công trình đang khai thác từ giai đoạn trước đến thời điểm xin cấp phép).
- Bản đồ khu vực và vị trí công trình khai thác nước dưới đất tỷ lệ từ 1/50.000 đến 1/25.000 theo hệ tọa độ VN 2000.
- Báo cáo kết quả thăm dò trữ lượng nước dưới đất.
- Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước cho mục đích sử dụng theo quy định hiện hành tại thời điểm xin cấp phép.
- Bản sao (có công chứng hoặc chứng thực) giấy chứng nhận, hoặc giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai tại nơi khai thác, sử dụng nước dưới đất hoặc văn bản của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền cho phép sử dụng đất để khai thác, sử dụng nước dưới đất. Trường hợp giấy chứng nhận, hoặc giấy tờ về quyền sử dụng đất dùng bản sao không có công chứng hoặc chứng thực thì phải có bản gốc để đối chiếu.

b) Trình tự cấp phép: *(12 ngày làm việc)*.

- Hồ sơ xin cấp giấy phép gửi Sở Tài nguyên và Môi trường nộp qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả. Nếu hồ sơ hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, ghi phiếu hẹn, chuyển hồ sơ đến Phòng Quản lý Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn.

- Trong thời gian 07 (bảy) ngày làm việc, Phòng Quản lý Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế khi cần thiết, nếu đủ căn cứ cấp phép thì tham mưu cho lãnh đạo Sở trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, cấp phép (không kể thời gian lấy ý kiến các ngành hữu quan). Trường hợp không đủ điều kiện để cấp phép, Phòng Quản lý Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn chuyển hồ sơ cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân xin phép và thông báo bằng văn bản lý do không cấp phép.

- Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định cấp phép, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời gian 03 (ba) ngày làm việc.

- Trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, Phòng Quản lý tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn viết giấy phép trình lãnh đạo sở ký, đồng thời gửi thông báo mức phí

và lệ phí tới tổ chức, cá nhân. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trao giấy phép cho tổ chức, cá nhân theo giấy hẹn.

1.3. Trình tự, thủ tục cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt với lưu lượng từ 20.000m³ đến dưới 50.000m³/ngày đêm.

a) Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép:

Tổ chức, cá nhân nộp 02 (hai) bộ hồ sơ tại Sở Tài nguyên và Môi trường (thông qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả). Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt.

- Đề án khai thác, sử dụng nước mặt kèm theo quy trình vận hành (đối với trường hợp chưa có công trình khai thác) hoặc báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt (đối với trường hợp đang có công trình khai thác).

- Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước cho mục đích sử dụng theo quy định hiện hành tại thời điểm xin cấp phép.

- Bản đồ khu vực và vị trí công trình khai thác nước tỷ lệ từ 1/50.000 đến 1/25.000 theo hệ tọa độ VN 2000.

- Bản sao (có công chứng hoặc chứng thực) giấy chứng nhận, hoặc giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai tại nơi khai thác, sử dụng nước mặt hoặc văn bản của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền cho phép sử dụng đất để khai thác, sử dụng nước mặt. Trường hợp giấy chứng nhận, hoặc giấy tờ về quyền sử dụng đất dùng bản sao không có công chứng hoặc chứng thực thì phải có bản gốc để đối chiếu.

b) Trình tự cấp phép: (20 ngày làm việc).

- Hồ sơ xin cấp giấy phép gửi tới Sở Tài nguyên và Môi trường nộp qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả. Nếu hồ sơ hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, ghi phiếu hẹn, chuyển hồ sơ đến Phòng Quản lý Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn.

- Trong thời gian 14 (mười bốn) ngày làm việc, Phòng Quản lý Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế khi cần thiết, nếu đủ căn cứ cấp phép thì tham mưu cho lãnh đạo Sở trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, cấp phép (không kể thời gian lấy ý kiến các ngành hữu quan). Trường hợp không đủ điều kiện để cấp phép, Phòng Quản lý Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn chuyển hồ sơ cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân xin phép và thông báo bằng văn bản lý do không cấp phép.

- Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định cấp phép, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời gian 04 (bốn) ngày làm việc.

- Trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, Phòng Quản lý tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn viết giấy phép trình lãnh đạo sở ký, đồng thời gửi thông báo mức phí và lệ phí tới tổ chức, cá nhân. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trao giấy phép cho tổ chức, cá nhân theo giấy hẹn.

1.4. Trình tự, thủ tục cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng từ 2000m³ đến dưới 5000m³/ngày đêm.

a) Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép:

Tổ chức, cá nhân nộp 02 (hai) bộ hồ sơ tại Sở Tài nguyên và Môi trường (thông qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả). Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước.

- Kết quả phân tích mẫu nước tại các cửa xả và nguồn tiếp nhận nước thải. Kết quả phân tích có hiệu lực không quá 15 (mười lăm) ngày trước thời điểm nộp hồ sơ xin cấp giấy phép (Khi lấy mẫu nước phải có sự giám sát của cơ quan thẩm định).

- Quy định vùng bảo hộ vệ sinh (nếu có) do cơ quan có thẩm quyền quy định tại nơi dự kiến xả nước thải.

- Đề án xả nước thải vào nguồn nước, kèm theo quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải (đối với trường hợp chưa có công trình xử lý nước thải); báo cáo xả nước thải vào nguồn nước, kèm theo kết quả phân tích thành phần nước thải và giấy xác nhận đã nộp phí bảo vệ môi trường (đối với nước thải trong trường hợp đang xả nước thải và đã có công trình xử lý nước thải).

- Bản đồ vị trí khu vực xả nước thải vào nguồn nước tỷ lệ 1/10.000 theo hệ tọa độ VN 2000.

- Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường (nay là bản cam kết bảo vệ môi trường) đã được cơ quan có thẩm quyền xác nhận theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Bản sao (có công chứng hoặc chứng thực) giấy chứng nhận, hoặc giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai tại nơi đặt công trình xả nước thải hoặc văn bản của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền cho phép sử dụng đất để đặt công trình xả nước thải. Trường hợp giấy chứng nhận, hoặc giấy tờ về

quyền sử dụng đất dùng bản sao không có công chứng hoặc chứng thực thì phải có bản gốc để đối chiếu.

b) Trình tự cấp phép: (20 ngày làm việc).

- Hồ sơ xin cấp giấy phép gửi tới Sở Tài nguyên và Môi trường nộp qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả. Nếu hồ sơ hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, ghi phiếu hẹn, chuyển hồ sơ đến Phòng Quản lý Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn.

- Trong thời gian 14 (mười bốn) ngày làm việc, Phòng Quản lý Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế khi cần thiết, nếu đủ căn cứ cấp phép thì tham mưu cho lãnh đạo Sở trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, cấp phép (không kể thời gian lấy ý kiến các ngành hữu quan). Trường hợp không đủ điều kiện để cấp phép, Phòng Quản lý Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn chuyển hồ sơ cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân xin phép và thông báo bằng văn bản lý do không cấp phép.

- Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định cấp phép, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời gian 04 (bốn) ngày làm việc.

- Trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, Phòng Quản lý tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn viết giấy phép trình lãnh đạo sở ký, đồng thời gửi thông báo mức phí và lệ phí tới tổ chức, cá nhân. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trao giấy phép cho tổ chức, cá nhân theo giấy hẹn.

1.5. Trình tự, thủ tục gia hạn/ điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước.

1.5.1. Thành phần hồ sơ.

a) Hồ sơ đề nghị gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất với lưu lượng từ 1000m³ đến dưới 3000m³/ngày đêm:

Tổ chức, cá nhân nộp 02 (hai) bộ hồ sơ tại Sở Tài nguyên và Môi trường (thông qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả). Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất.

- Giấy phép thăm dò nước dưới đất đã được cấp.

- Báo cáo tình hình thực hiện các quy định trong giấy phép thăm dò nước dưới đất.

- Đề án thăm dò nước dưới đất (trong trường hợp đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép).

b) Hồ sơ đề nghị gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác nước dưới đất với lưu lượng từ 1000m^3 đến dưới 3000m^3 /ngày đêm.

Tổ chức, cá nhân nộp 02 (hai) bộ hồ sơ tại Sở Tài nguyên và Môi trường (thông qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả). Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác nước dưới đất.
- Giấy phép khai thác nước dưới đất đã được cấp.
- Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép khai thác nước dưới đất.
- Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước theo quy định hiện hành tại thời điểm xin gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép.
- Đề án khai thác nước dưới đất (trong trường hợp đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép).

c) Hồ sơ đề nghị gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt với lưu lượng từ 20.000m^3 đến dưới 50.000m^3 /ngày đêm.

Tổ chức, cá nhân nộp 02 (hai) bộ hồ sơ tại Sở Tài nguyên và Môi trường (thông qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả). Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt.
- Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt đã được cấp.
- Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt.
- Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước theo quy định hiện hành tại thời điểm xin gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép.
- Đề án khai thác, sử dụng nước mặt (trong trường hợp đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép).

d) Hồ sơ đề nghị gia hạn/ điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng từ 2000m^3 đến dưới 5000m^3 /ngày đêm.

Tổ chức, cá nhân nộp 02 (hai) bộ hồ sơ tại Sở Tài nguyên và Môi trường (thông qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả). Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào nguồn nước.
- Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước đã được cấp.

- Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép xả nước thải vào nguồn nước.
- Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước theo quy định hiện hành tại thời điểm xin gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép.
- Đề án xả nước thải vào nguồn nước (trong trường hợp đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép).

1.5.2. Trình tự thực hiện:

- Hồ sơ xin cấp giấy phép gửi tới Sở Tài nguyên và Môi trường nộp qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả. Nếu hồ sơ hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, ghi phiếu hẹn và chuyển hồ sơ đến Phòng Quản lý Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn.

- Trong thời gian 08 (tám) ngày làm việc, Phòng Quản lý Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế khi cần thiết, nếu đủ căn cứ cấp phép thì tham mưu cho lãnh đạo Sở trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, cấp phép (không kể thời gian lấy ý kiến các ngành hữu quan). Trường hợp không đủ điều kiện để cấp phép, Phòng Quản lý Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn chuyển hồ sơ cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân xin phép và thông báo bằng văn bản lý do không cấp phép.

- Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định cấp phép, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc.

- Trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, Phòng Quản lý tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn viết giấy phép trình lãnh đạo sở ký, đồng thời gửi thông báo mức phí và lệ phí tới tổ chức, cá nhân. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trao Giấy phép cho tổ chức, cá nhân theo giấy hẹn.

2. Trình tự, thủ tục cấp, gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép về lĩnh vực tài nguyên nước do Sở Tài nguyên và Môi trường Thái nguyên cấp

2.1. Trình tự, thủ tục cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất với lưu lượng từ 20m³ đến dưới 1000m³/ngày đêm.

a) Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép:

Tổ chức, cá nhân nộp 02 (hai) bộ hồ sơ tại cơ quan Sở Tài nguyên Môi trường (thông qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả). Thành phần hồ sơ gồm:

+ Đơn đề nghị cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất.

+ Đề án thăm dò nước dưới đất (đối với công trình có lưu lượng từ $200\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm trở lên); thiết kế giếng thăm dò (đối với công trình có lưu lượng từ 20m^3 đến dưới $200\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm).

b) Trình tự cấp giấy phép: (10 ngày làm việc).

- Hồ sơ xin cấp giấy phép gửi tới Sở Tài nguyên và Môi trường nộp qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả liên thông. Nếu hồ sơ hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, ghi phiếu hẹn và chuyển toàn bộ hồ sơ đến Phòng Quản lý Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn.

- Trong thời gian 07 (bảy) ngày làm việc, Phòng Quản lý Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế khi cần thiết, nếu đủ căn cứ cấp phép thì trình Lãnh đạo Sở xem xét, cấp phép (không kể thời gian lấy ý kiến các ngành hữu quan). Trường hợp không đủ điều kiện để cấp phép, Phòng Quản lý Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn chuyển hồ sơ cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân xin phép và thông báo bằng văn bản lý do không cấp phép.

- Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, quyết định cấp phép trong thời gian 01 (một) ngày làm việc.

- Trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, Phòng Quản lý tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn viết giấy phép trình lãnh đạo sở ký, đồng thời gửi thông báo mức phí và lệ phí tới tổ chức, cá nhân. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trao giấy phép cho tổ chức, cá nhân theo giấy hẹn.

2.2. Trình tự, thủ tục cấp giấy phép khai thác nước dưới đất với lưu lượng từ 20m^3 đến dưới $1000\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm.

a) Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép:

Tổ chức, cá nhân nộp 02 (hai) bộ hồ sơ tại cơ quan Sở Tài nguyên Môi trường (thông qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả). Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác nước dưới đất.

- Báo cáo khai thác nước dưới đất (đối với trường hợp công trình đang khai thác từ giai đoạn trước đến thời điểm xin cấp phép).

- Bản đồ khu vực và vị trí công trình khai thác nước dưới đất tỷ lệ từ 1/50.000 đến 1/25.000 theo hệ tọa độ VN 2000.

- Báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất (đối với trường hợp công trình có lưu lượng từ $200\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm trở lên); báo cáo kết quả thi công giếng

khai thác (đối với trường hợp công trình có lưu lượng từ 20m³ đến dưới 200m³/ngày đêm).

- Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước cho mục đích sử dụng theo quy định hiện hành tại thời điểm xin cấp phép.

- Bản sao (có công chứng hoặc chứng thực) giấy chứng nhận, hoặc giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai tại nơi khai thác, sử dụng nước dưới đất hoặc văn bản của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền cho phép sử dụng đất để khai thác nước dưới đất. Trường hợp giấy chứng nhận, hoặc giấy tờ về quyền sử dụng đất dùng bản sao không có công chứng hoặc chứng thực thì phải có bản gốc để đối chiếu.

b) Trình tự cấp phép: (10 ngày làm việc).

- Hồ sơ xin cấp giấy phép gửi tới Sở Tài nguyên và Môi trường nộp qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả. Nếu hồ sơ hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, ghi phiếu hẹn và chuyển hồ sơ đến Phòng Quản lý Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn.

- Trong thời gian 07 (bảy) ngày làm việc, Phòng Quản lý Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế khi cần thiết, nếu đủ căn cứ cấp phép thì trình Lãnh đạo Sở xem xét, cấp phép (không kể thời gian lấy ý kiến các ngành hữu quan). Trường hợp không đủ điều kiện để cấp phép, Phòng Quản lý Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn chuyển hồ sơ cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân xin phép và thông báo bằng văn bản lý do không cấp phép.

- Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, quyết định cấp phép trong thời gian 01 (một) ngày làm việc.

- Trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, Phòng Quản lý tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn viết giấy phép trình lãnh đạo sở ký, đồng thời gửi thông báo mức phí và lệ phí tới tổ chức, cá nhân. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trao giấy phép cho tổ chức, cá nhân theo giấy hẹn.

2.3. Trình tự, thủ tục cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt với lưu lượng từ 100m³ đến dưới 20.000m³/ngày đêm.

a) Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép:

Tổ chức, cá nhân nộp 02 (hai) bộ hồ sơ tại Sở Tài nguyên và Môi trường (thông qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả). Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt.

- Đề án khai thác, sử dụng nước mặt kèm theo quy trình vận hành (đối với trường hợp chưa có công trình khai thác); báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt (đối với trường hợp đang có công trình khai thác).

- Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước cho mục đích sử dụng theo quy định hiện hành tại thời điểm xin cấp phép.

- Bản đồ khu vực và vị trí công trình khai thác nước mặt tỷ lệ từ 1/50.000 đến 1/25.000 theo hệ tọa độ VN 2000.

- Bản sao (có công chứng hoặc chứng thực) giấy chứng nhận, hoặc giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai tại nơi khai thác, sử dụng nước mặt hoặc văn bản của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền cho phép sử dụng đất để khai thác, sử dụng nước mặt. Trường hợp giấy chứng nhận, hoặc giấy tờ về quyền sử dụng đất dùng bản sao không có công chứng hoặc chứng thực thì phải có bản gốc để đối chiếu.

b) Trình tự cấp phép: *(18 ngày làm việc)*.

- Hồ sơ xin cấp giấy phép gửi Sở Tài nguyên và Môi trường nộp qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả. Nếu hồ sơ hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, ghi phiếu hẹn, chuyển hồ sơ đến Phòng Quản lý Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn.

- Trong thời gian 15 (mười lăm) ngày làm việc, Phòng Quản lý Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế khi cần thiết, nếu đủ căn cứ cấp phép thì trình Lãnh đạo Sở xem xét, cấp phép (không kể thời gian lấy ý kiến các ngành hữu quan). Trường hợp không đủ điều kiện để cấp phép thì chuyển hồ sơ cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân xin phép và thông báo bằng văn bản lý do không cấp phép.

- Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, quyết định cấp phép trong thời gian 01 (một) ngày làm việc.

- Trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, Phòng Quản lý tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn viết giấy phép trình lãnh đạo sở ký, đồng thời gửi thông báo mức phí và lệ phí tới tổ chức, cá nhân. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trao giấy phép cho tổ chức, cá nhân theo giấy hẹn.

2.4. Trình tự, thủ tục cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng từ 10m³ đến dưới 2.000m³/ngày đêm.

a) Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép:

Tổ chức, cá nhân nộp hai (02) bộ hồ sơ tại Sở Tài nguyên và Môi trường (thông qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả). Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước.

- Kết quả phân tích mẫu nước tại các cửa xả và nguồn tiếp nhận nước thải. Kết quả phân tích có hiệu lực không quá 15 (mười lăm) ngày trước thời điểm nộp hồ sơ xin cấp giấy phép (Khi lấy mẫu nước phải có sự giám sát của cơ quan thẩm định).

- Quy định vùng bảo hộ vệ sinh (nếu có) do cơ quan có thẩm quyền quy định tại nơi dự kiến xả nước thải.

- Đề án xả nước thải vào nguồn nước, kèm theo quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải (đối với trường hợp chưa có công trình xử lý nước thải); báo cáo xả nước thải vào nguồn nước, kèm theo kết quả phân tích thành phần nước thải và giấy xác nhận đã nộp phí bảo vệ môi trường (đối với nước thải trong trường hợp đang xả nước thải và đã có công trình xử lý nước thải).

- Bản đồ vị trí khu vực xả nước thải vào nguồn nước tỷ lệ 1/10.000 theo hệ toạ độ VN 2000.

- Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường (nay là bản cam kết bảo vệ môi trường) đã được cơ quan có thẩm quyền xác nhận theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Bản sao (có công chứng hoặc chứng thực) giấy chứng nhận, hoặc giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai tại nơi đặt công trình xả nước thải hoặc văn bản của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền cho phép sử dụng đất để đặt công trình xả nước thải. Trường hợp giấy chứng nhận, hoặc giấy tờ về quyền sử dụng đất dùng bản sao không có công chứng hoặc chứng thực thì phải có bản gốc để đối chiếu.

b) Trình tự cấp phép: *(18 ngày làm việc)*.

- Hồ sơ xin cấp giấy phép gửi tới Sở Tài nguyên và Môi trường nộp qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả. Nếu hồ sơ hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, ghi phiếu hẹn, chuyển hồ sơ đến Phòng Quản lý Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn.

- Trong thời gian 15 (mười lăm) ngày làm việc, Phòng Quản lý Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế khi cần thiết, nếu đủ căn cứ

cấp phép thi trình Lãnh đạo Sở xem xét, cấp phép (không kể thời gian lấy ý kiến các ngành hữu quan). Trường hợp không đủ điều kiện để cấp phép, Phòng Quản lý Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn chuyển hồ sơ cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân xin phép và thông báo bằng văn bản lý do không cấp phép.

- Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, quyết định cấp phép trong thời gian 01 (một) ngày làm việc.

- Trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, Phòng Quản lý tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn viết giấy phép trình lãnh đạo sở ký, đồng thời gửi thông báo mức phí và lệ phí tới tổ chức, cá nhân. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trao giấy phép cho tổ chức, cá nhân theo giấy hẹn.

2.5. Trình tự, thủ tục gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước.

2.5.1. Thành phần hồ sơ.

a) Hồ sơ đề nghị gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất với lưu lượng từ 20m^3 đến dưới 1000m^3 /ngày đêm.

Tổ chức, cá nhân nộp 02 (hai) bộ hồ sơ tại Sở Tài nguyên và Môi trường (thông qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả). Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất;
- Giấy phép thăm dò nước dưới đất đã được cấp.
- Báo cáo tình hình thực hiện các quy định trong giấy phép thăm dò nước dưới đất.
- Đề án thăm dò nước dưới đất (trong trường hợp đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép).

b) Hồ sơ đề nghị gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác nước dưới đất với lưu lượng từ 20m^3 đến dưới 1000m^3 /ngày đêm.

Tổ chức, cá nhân nộp 02 (hai) bộ hồ sơ tại Sở Tài nguyên và Môi trường (thông qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả). Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác nước dưới đất.
- Giấy phép khai thác nước dưới đất đã được cấp.
- Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép khai thác nước dưới đất.

- Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước theo quy định hiện hành tại thời điểm xin gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép.

- Đề án khai thác nước dưới đất (trong trường hợp đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép).

c) Hồ sơ đề nghị gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt với lưu lượng từ 100m^3 đến dưới $20.000\text{m}^3/\text{ngày đêm}$.

Tổ chức, cá nhân nộp 02 (hai) bộ hồ sơ tại Sở Tài nguyên và Môi trường (thông qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả). Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt.

- Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt đã được cấp.

- Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt.

- Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước theo quy định hiện hành tại thời điểm xin gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép.

- Đề án khai thác, sử dụng nước mặt (trong trường hợp đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép).

d) Hồ sơ đề nghị gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng từ 10m^3 đến dưới $2.000\text{m}^3/\text{ngày đêm}$.

Tổ chức, cá nhân nộp 02 (hai) bộ hồ sơ tại Sở Tài nguyên và Môi trường (thông qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả). Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào nguồn nước.

- Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước đã được cấp.

- Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép xả nước thải vào nguồn nước.

- Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước theo quy định hiện hành tại thời điểm xin gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép.

- Đề án xả nước thải vào nguồn nước (trong trường hợp đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép).

2.5.2. Trình tự thực hiện:

Hồ sơ xin cấp giấy phép gửi tới Sở Tài nguyên và Môi trường nộp qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả. Nếu hồ sơ hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, ghi phiếu hẹn, chuyển hồ sơ đến Phòng Quản lý Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn.

- Trong thời gian 07 (bảy) ngày làm việc, Phòng Quản lý Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế khi cần thiết, nếu đủ căn cứ cấp phép thì trình Lãnh đạo Sở xem xét, cấp phép (không kể thời gian lấy ý kiến các ngành hữu quan). Trường hợp không đủ điều kiện để cấp phép, Phòng Quản lý Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn chuyển hồ sơ cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân xin phép và thông báo bằng văn bản lý do không cấp phép.

- Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, quyết định cấp phép trong thời gian 01 (một) ngày làm việc.

- Trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, Phòng Quản lý tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn viết giấy phép trình lãnh đạo sở ký, đồng thời gửi thông báo mức phí và lệ phí tới tổ chức, cá nhân. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trao giấy phép cho tổ chức, cá nhân theo giấy hẹn.

3. Trình tự, thủ tục cấp, gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất.

3.1. Trình tự, thủ tục cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất.

a) Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép:

Tổ chức, cá nhân nộp 02 (hai) bộ hồ sơ tại Sở Tài nguyên và Môi trường (thông qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả). Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất.

- Quyết định thành lập tổ chức hoặc giấy đăng ký hoạt động kinh doanh của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép (Bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp có xác nhận của cơ quan cấp; trường hợp chỉ có bản sao chụp thì phải kèm bản chính để đối chiếu).

- Văn bằng, chứng chỉ của người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật (Bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp có xác nhận của cơ quan cấp; trường hợp chỉ có bản sao chụp thì phải kèm bản chính để đối chiếu), và hợp đồng lao động đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép hợp đồng lao động với người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật.

- Bản khai kinh nghiệm chuyên môn trong hoạt động khoan thăm dò, khoan khai thác nước dưới đất của người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép.

b) Trình tự cấp phép: (20 ngày làm việc).

Hồ sơ xin cấp giấy phép gửi tới Sở Tài nguyên và Môi trường nộp qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả. Nếu hồ sơ hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, ghi phiếu hẹn và chuyển hồ sơ đến Phòng Quản lý Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn.

- Trong thời gian 17 (mười bảy) ngày làm việc, Phòng Quản lý Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế khi cần thiết, nếu đủ căn cứ cấp phép thì trình Lãnh đạo Sở xem xét, cấp phép (không kể thời gian lấy ý kiến các ngành hữu quan). Trường hợp không đủ điều kiện để cấp phép, Phòng Quản lý Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn chuyển hồ sơ cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân xin phép và thông báo bằng văn bản lý do không cấp phép.

- Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, quyết định cấp phép trong thời gian 01 (một) ngày làm việc.

- Trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, Phòng Quản lý tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn viết giấy phép trình lãnh đạo sở ký, đồng thời gửi thông báo mức phí và lệ phí tới tổ chức, cá nhân. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trao giấy phép cho tổ chức, cá nhân theo giấy hẹn.

3.2. Trình tự, thủ tục gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất.

a) Hồ sơ đề nghị gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép.

Tổ chức, cá nhân nộp 02 (hai) bộ hồ sơ tại Sở Tài nguyên và Môi trường (thông qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả). Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất.

- Giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất đã được cấp.

- Bảng tổng hợp các công trình khoan thăm dò, khoan khai thác nước dưới đất do tổ chức, cá nhân thực hiện trong thời gian sử dụng giấy phép đã được cấp.

- Đối với trường hợp đề nghị gia hạn giấy phép mà có sự thay đổi người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật thì ngoài những thành phần quy định như trên, hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép còn bao gồm:

+ Văn bằng, chứng chỉ của người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật (Bản sao có chứng thực hoặc Bản sao chụp có xác nhận của cơ quan cấp, trường hợp chỉ có Bản sao chụp thì phải kèm Bản chính để đối chiếu) và hợp đồng lao động đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép hợp đồng lao động với người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật.

+ Bản khai kinh nghiệm chuyên môn của người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật.

b. Trình tự thực hiện.

Hồ sơ xin cấp giấy phép gửi tới Sở Tài nguyên và Môi trường nộp qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả. Nếu hồ sơ hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, ghi phiếu hẹn và chuyển hồ sơ đến Phòng Quản lý Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn.

- Trong thời gian 09 (chín) ngày làm việc, Phòng Quản lý Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế khi cần thiết, nếu đủ căn cứ cấp phép thì trình Lãnh đạo Sở xem xét, cấp phép (không kể thời gian lấy ý kiến các ngành hữu quan). Trường hợp không đủ điều kiện để cấp phép, Phòng Quản lý Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn chuyển hồ sơ cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân xin phép và thông báo bằng văn bản lý do không cấp phép.

- Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, quyết định cấp phép trong thời gian một (01) ngày làm việc.

- Trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, Phòng Quản lý tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn viết giấy phép trình lãnh đạo sở ký, đồng thời gửi thông báo mức phí và lệ phí tới tổ chức, cá nhân. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trao Giấy phép cho tổ chức, cá nhân theo giấy hẹn.

Điều 21. Trình tự, thủ tục đăng ký và xác nhận hoạt động tài nguyên nước thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (UBND cấp xã)

1. Trình tự, thủ tục đăng ký và xác nhận khai thác nước dưới đất.

1.1. Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân nộp 02 (hai) bộ hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp xã.

- Trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày có đủ hồ sơ hợp lệ, cán bộ phụ trách tài nguyên môi trường cấp xã thẩm định, kiểm tra thực địa khi cần thiết, nếu đủ căn cứ thì tham mưu cho lãnh đạo UBND cấp xã ký xác nhận. Trường hợp không đủ điều kiện thì tham mưu cho lãnh đạo UBND cấp xã ký thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân biết lý do không xác nhận.

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã trả kết quả cho tổ chức, cá nhân theo giấy hẹn.

1.2. Thành phần hồ sơ gồm:

- Bản đăng ký khai thác nước dưới đất (theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Quy định này).

- Bản sao có công chứng hoặc chứng thực Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại vị trí đăng ký khai thác nước dưới đất. Trường hợp nơi đặt công trình không thuộc quyền sử dụng đất của tổ chức, cá nhân đăng ký thì phải có văn bản thoả thuận của tổ chức, cá nhân đang có quyền sử dụng đất. Trường hợp giấy tờ về quyền sử dụng đất dùng bản sao không có công chứng hoặc chứng thực thì phải có bản gốc để đối chiếu.

2. Trình tự, thủ tục đăng ký và xác nhận khai thác, sử dụng nước mặt.

2.1. Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân nộp 02 (hai) bộ hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp xã.

- Trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày có đủ hồ sơ hợp lệ, cán bộ phụ trách tài nguyên môi trường cấp xã thẩm định, kiểm tra thực địa khi cần thiết, nếu đủ căn cứ thì tham mưu cho lãnh đạo UBND cấp xã ký xác nhận. Trường hợp không đủ điều kiện, thì tham mưu cho lãnh đạo UBND cấp xã ký thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân biết lý do không xác nhận.

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã trả kết quả cho tổ chức, cá nhân theo giấy hẹn.

2.2. Thành phần hồ sơ gồm:

- Bản đăng ký khai thác, sử dụng nước mặt (theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Quy định này).

- Bản sao có công chứng hoặc chứng thực giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại vị trí đăng ký khai thác, sử dụng nước mặt. Trường hợp nơi đặt công trình không thuộc quyền sử dụng đất của tổ chức, cá nhân đăng ký thì phải có văn bản thoả thuận của tổ chức, cá nhân đang có quyền sử dụng đất. Trường hợp giấy tờ về quyền sử dụng đất dùng bản sao không có công chứng hoặc chứng thực thì phải có bản gốc để đối chiếu.

3. Trình tự, thủ tục đăng ký và xác nhận xả nước thải vào nguồn nước.

3.1. Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân nộp 02 (hai) bộ hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp xã.

- Trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày có đủ hồ sơ hợp lệ, cán bộ phụ trách tài nguyên môi trường cấp xã thẩm định, kiểm tra thực địa khi cần thiết, nếu đủ căn cứ thì tham mưu cho lãnh đạo UBND cấp xã ký xác nhận. Trường hợp không đủ điều kiện, thì tham mưu cho lãnh đạo UBND cấp xã ký thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân biết lý do không xác nhận.

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã trả kết quả cho tổ chức, cá nhân theo giấy hẹn.

3.2. Thành phần hồ sơ gồm:

- Bản đăng ký xả nước thải vào nguồn nước (theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Quy định này).

- Bản sao có công chứng hoặc chứng thực giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại vị trí đăng ký xả nước thải vào nguồn nước. Trường hợp nơi đặt công trình không thuộc quyền sử dụng đất của tổ chức, cá nhân đăng ký thì phải có văn bản thoả thuận của tổ chức, cá nhân đang có quyền sử dụng đất. Trường hợp giấy tờ về quyền sử dụng đất dùng bản sao không có công chứng hoặc chứng thực thì phải có bản gốc để đối chiếu.

- Kết quả phân tích mẫu nước thải đã qua xử lý theo TCVN hiện hành của cơ quan chuyên môn (cấp trước thời điểm đăng ký xác nhận tối đa 15 ngày).

Chương V

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN HOẠT ĐỘNG TẠI NGUYÊN NƯỚC

Điều 22. Quyền của Chủ giấy phép

Chủ giấy phép có các quyền sau đây:

1. Được thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước theo quy định của giấy phép.
2. Được Nhà nước bảo hộ quyền, lợi ích hợp pháp quy định trong giấy phép.
3. Được Nhà nước bồi thường thiệt hại trong trường hợp giấy phép bị thu hồi trước thời hạn vì lý do quốc phòng, an ninh hoặc vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng theo quy định của pháp luật.
4. Được quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân bồi thường thiệt hại đối với các quyền, lợi ích hợp pháp của mình về thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước theo quy định của pháp luật.
5. Đề nghị cơ quan cấp giấy phép gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép theo quy định.
6. Trả lại giấy phép theo quy định.
7. Khiếu nại, khởi kiện các hành vi vi phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình trong việc thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước theo quy định của pháp luật.
8. Sử dụng dữ liệu, thông tin về tài nguyên nước theo quy định hiện hành.
9. Chuyển nhượng, cho thuê, để thừa kế, thế chấp, bảo lãnh bằng tài sản đầu tư vào việc thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước theo quy định của pháp luật.
9. Chủ giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất có quyền theo Khoản 1, Điều 4, Quyết định số 17/2006/QĐ-BTNMT ngày 12/10/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về việc cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất.

Điều 23. Nghĩa vụ của chủ giấy phép

Chủ giấy phép có các nghĩa vụ sau đây:

1. Chấp hành quy định của pháp luật về tài nguyên nước và quy định trong giấy phép.
2. Nộp lệ phí cấp phép thăm dò nước dưới đất; lệ phí cấp phép khai thác nước dưới đất; lệ phí cấp phép khai thác, sử dụng nước mặt; lệ phí cấp phép xả nước thải vào nguồn nước; nộp thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường đối với nước thải; bồi thường thiệt hại do mình gây ra theo quy định của pháp luật.

3. Không cản trở hoặc gây thiệt hại đến việc thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác.

4. Bảo vệ nguồn nước tại khu vực thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước.

5. Cung cấp đầy đủ và trung thực dữ liệu, thông tin về tài nguyên nước tại khu vực mà mình thăm dò, khai thác, sử dụng nước, xả nước thải vào nguồn nước khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

6. Thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, phòng ngừa, khắc phục sự cố trong quá trình thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước; báo cáo kịp thời với cơ quan cấp giấy phép để có biện pháp xử lý thích hợp.

7. Có biện pháp giám sát quá trình thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước theo hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

8. Không được tự ý tháo dỡ, phá huỷ các công trình, thiết bị thuộc sở hữu toàn dân liên quan đến thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước khi giấy phép chấm dứt hiệu lực; trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày, phải di chuyển toàn bộ tài sản của mình, của các bên có liên quan ra khỏi khu vực thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước; phục hồi môi trường và đất đai theo quy định của pháp luật.

9. Tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân mà cơ quan quản lý nhà nước cho phép thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học, điều tra, đánh giá nguồn nước tại khu vực đã được cấp phép của mình.

10. Thực hiện chế độ báo cáo về kết quả thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

11. Chủ giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất có nghĩa vụ theo Khoản 2, Điều 4, Quyết định số 17/2006/QĐ-BTNMT ngày 12/10/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về việc cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất.

Điều 24. Báo cáo hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất

1. Tổ chức, cá nhân được cấp phép khai thác nước dưới đất thực hiện báo cáo đến cơ quan cấp phép (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) 06 (sáu) tháng 01 (một) lần số liệu về lưu lượng nước thô đã khai thác hàng ngày, nội dung báo cáo gồm:

a) Các biểu số liệu quan trắc về mực nước thực đo, mực nước lớn nhất, nhỏ nhất, trung bình tháng và chênh lệch mực nước so với cùng kỳ năm trước của từng công trình, từng giếng; biểu đồ diễn biến mực nước trong năm.

b) Các biểu số liệu về lưu lượng khai thác trung bình, lớn nhất, nhỏ nhất của từng công trình, từng giếng trong từng tháng và cả năm; biểu đồ diễn biến lưu lượng khai thác của từng giếng khoan khai thác và cả công trình.

c) Các biểu số liệu kết quả phân tích chất lượng nước; biểu diễn chất lượng nước so với cùng kỳ năm trước ở từng giếng khoan khai thác và cả công trình;

d) Đánh giá chung hiện trạng, diễn biến mực nước, chất lượng nước và lượng nước khai thác trong kỳ báo cáo và đề xuất, kiến nghị (nếu có).

2. Tổ chức, cá nhân được cấp phép khai thác, sử dụng nước mặt thực hiện báo cáo đến cơ quan cấp phép (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) 06 (sáu) tháng 01 (một) lần số liệu về lưu lượng nước thô đã khai thác hàng ngày. Nội dung báo cáo gồm:

a) Số liệu lưu lượng nước thô đã khai thác hàng ngày.

b) Các biểu số liệu kết quả phân tích chất lượng nước theo quy định.

c) Đánh giá chung hiện trạng, diễn biến chất lượng nước, lượng nước khai thác trong kỳ báo cáo và đề xuất, kiến nghị (nếu có).

3. Tổ chức, cá nhân được cấp phép xả nước thải vào nguồn nước thực hiện chế độ báo cáo đến cơ quan cấp phép (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) 03 (ba) tháng 01 (một) lần gồm các nội dung sau:

a) Số liệu lưu lượng nước đã xả thải vào nguồn nước hàng ngày.

b) Kết quả phân tích chất lượng, thành phần nước thải, chất lượng nguồn nước nơi tiếp nhận nước thải.

c) Đánh giá chung hiện trạng, diễn biến chất lượng nước trong kỳ báo cáo và đề xuất, kiến nghị (nếu có).

4. Tổ chức, cá nhân được cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất thực hiện chế độ báo cáo đến cơ quan cấp phép (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) 06 (sáu) tháng 01 (một) lần gồm các nội dung theo mẫu số 03 kèm theo Quyết định số 17/2006/QĐ-BTNMT ngày 12/10/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về việc cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất.

Chương VI
CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, THANH KIỂM TRA VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ TÀI
NGUYÊN NƯỚC

Điều 25. Chế độ báo cáo

1. Định kỳ hàng quý, năm và đột xuất, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo gửi Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố về tình hình quản lý, xác nhận đăng ký hoạt động tài nguyên nước trên địa bàn. Nội dung báo cáo cần trình bày rõ tình hình quản lý tài nguyên nước trên địa bàn; những thuận lợi, khó khăn, kiến nghị và đề xuất giải quyết.

2. Định kỳ hàng quý, năm và đột xuất, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm tổng kết, báo cáo tình hình quản lý, đăng ký hoạt động tài nguyên nước trên địa bàn gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ tài nguyên và Môi trường.

Điều 26. Kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định ghi trong giấy phép

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra định kỳ hàng năm về việc thực hiện các quy định ghi trong giấy phép do Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép đối với các tổ chức và cá nhân có hoạt động thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước, hành nghề khoan nước dưới đất. Về trình tự, thủ tục và nội dung kiểm tra sau cấp giấy phép, bao gồm:

1. Về trình tự, thủ tục kiểm tra.

a) Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện liên quan thống nhất kế hoạch kiểm tra.

b) Quyết định thành lập Đoàn Kiểm tra.

c) Thông báo cho tổ chức, cá nhân được kiểm tra biết trước 03 (ba) ngày về kế hoạch làm việc của Đoàn Kiểm tra.

d) Tiến hành kiểm tra.

2. Nội dung kiểm tra.

a) Đối với giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước:

- Địa điểm thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước.

- Kiểm tra thực tế về số lượng, chất lượng nước, quy mô thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước.

- Thiết bị đo mực nước, lưu lượng khai thác, xả thải; sổ sách ghi chép tình hình khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước.

- Các nội dung khác ghi trong giấy phép.

- Nghĩa vụ thuê tài nguyên nước đối với Nhà nước.

b) Đối với giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất:

- Trang thiết bị sử dụng trong hoạt động hành nghề khoan nước dưới đất.

- Năng lực chuyên môn kỹ thuật của cán bộ, công nhân viên của tổ chức, cá nhân hành nghề khoan nước dưới đất phù hợp với quy mô hành nghề.

- Việc thực hiện các nội dung ghi trong giấy phép.

- Nghĩa vụ thuê đối với Nhà nước.

3. Kết quả kiểm tra được lập thành biên bản và phải được người đại diện của cơ quan có trách nhiệm kiểm tra, tổ chức hoặc cá nhân được kiểm tra và đại diện cơ quan quản lý Nhà nước về tài nguyên và môi trường cùng ký. Nếu không ký thì ghi rõ lý do vào biên bản.

4. Trên cơ sở kết quả kiểm tra, nếu phát hiện vi phạm Sở Tài nguyên và Môi trường thống nhất với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện liên quan để xử lý vi phạm theo thẩm quyền hoặc kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý.

Điều 27. Công tác thanh tra, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo

Công tác thanh tra, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực tài nguyên nước thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

Chương VII

KHEN THƯỞNG, XỬ LÝ VI PHẠM VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 28. Khen thưởng

1. Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân bảo vệ, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm tài nguyên nước.

2. Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc bảo vệ tài nguyên nước được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 29. Xử lý vi phạm

Tổ chức, cá nhân hoạt động tài nguyên nước trái phép, không có giấy phép của cấp có thẩm quyền; tổ chức, cá nhân có hành vi cản trở việc bảo vệ tài nguyên nước, cản trở hoạt động tài nguyên nước hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác, cản trở việc kiểm tra, thanh tra tài nguyên nước hoặc các vi phạm khác của pháp luật và Quy định này thì tùy mức độ vi phạm mà bị xử phạt hành chính, xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự và bồi thường thiệt hại gây ra.

Điều 30. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường và các Sở, ngành liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn theo chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm thực hiện Quy định này.

Trong quá trình thực hiện nếu gặp khó khăn, vướng mắc, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các ngành, các cấp đề xuất những nội dung cần sửa đổi, bổ sung, thay thế trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**T/M. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Nhữ Văn Tâm

MẪU SỐ 01*(Ban hành kèm theo Quy định Quản lý Tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh TN)***CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc****BẢN ĐĂNG KÝ
KHAİ THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT**

Kính gửi: UBND xã/phường/thị trấn..... (1)

1. Tổ chức/cá nhân đăng ký:

1.1. Tên tổ chức/cá nhân: (2)

1.2. Địa chỉ: (3)

1.3. Điện thoại: Fax: Email:

2. Nội dung đăng ký:

2.1. Mục đích sử dụng: (4)

2.2. Vị trí công trình khai thác: (5)

2.3. Số giếng khai thác: (6)

2.4. Tổng lượng nước khai thác:(m³/ngày đêm) (7)

Số hiệu, vị trí và thông số cụ thể của từng giếng khai thác như sau:

Số thứ tự	Lưu lượng (m ³ /ngày đêm)	Chiều sâu giếng khoan (m)	Đường kính giếng khoan (mm)	Chiều sâu giếng đào (m)	Đường kính giếng đào (m)
1					
2					
.....					
Tổng					

3. (Tên tổ chức/cá nhân đăng ký) cam kết chấp hành như sau:

- Thay đổi hoặc bổ sung mục đích sử dụng thì phải được sự đồng ý của cấp có thẩm quyền.

- Không xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc, nhà vệ sinh, bãi thải; kho, bãi chứa hoá chất và các nguồn gây ô nhiễm khác trong phạm vi bảo hộ vệ sinh của công trình khai thác nước dưới đất.

- Giếng không còn sử dụng hoặc không có nhu cầu, kế hoạch sử dụng thì sẽ trám lấp theo đúng quy định hoặc liên hệ UBND xã/phường/thị trấn để được hướng dẫn cụ thể.

- Sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục đích.

- Không chôn lấp chất thải vào các lỗ khoan, giếng khoan, giếng đào hoặc các công trình thu nước dưới đất khác.

- Chấp hành các quy định khác của cấp có thẩm quyền.

(Tổ chức/cá nhân đăng ký) cam kết chấp hành đúng nội dung quy định trong bản đăng ký và quy định pháp luật có liên quan./.

....., ngày tháng năm 20

Xác nhận của UBND cấp xã

(ký, đóng dấu)

Tên tổ chức/cá nhân đăng ký

(ký tên)

**HƯỚNG DẪN VIẾT BẢN ĐĂNG KÝ
KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT**

- (1) UBND xã, phường, thị trấn. nơi đặt công trình khai thác nước dưới đất.
- (2) Tên tổ chức/cá nhân đăng ký:
- (3) Trụ sở của tổ chức hoặc nơi cư trú của cá nhân đăng ký.
- (4) Ghi rõ cụ thể mục đích khai thác, sử dụng (sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp, sản xuất công nghiệp, ...).
- (5) Ghi rõ địa điểm đặt công trình khai thác, sử dụng (xóm/xã/phường, huyện/thành phố/thị xã).
- (6) Ghi rõ số giếng đăng ký khai thác và hiện trạng của các giếng này (đang sử dụng hoặc chuẩn bị khoan).
- (7) Ghi rõ tổng lượng nước khai thác trong một ngày đêm.

MẪU SỐ 02

(Ban hành kèm theo Quy định Quản lý Tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh TN)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ
KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC MẶT

Kính gửi: UBND xã/phường/thị trấn.... (1)

1. Tổ chức/cá nhân đăng ký:

1.1. Tên tổ chức/cá nhân: (2)

1.2. Địa chỉ: (3)

1.3. Điện thoại: Fax: Email:

2. Nội dung đăng ký:

2.1. Mục đích sử dụng:(4)

2.2. Nguồn nước khai thác: (5)

2.3. Vị trí công trình khai thác: (6)

2.4. Công trình khai thác:

- Hiện trạng công trình: (7)

- Loại hình công trình: (8)

2.5. Lượng nước khai thác (m^3 /ngày đêm): (9)

3. (Tên tổ chức/cá nhân đăng ký) cam kết chấp hành như sau:

- Thay đổi, bổ sung mục đích sử dụng hoặc vị trí khai thác thì phải được sự đồng ý của cấp có thẩm quyền.

- Công trình khai thác không còn sử dụng hoặc không có nhu cầu, kế hoạch sử dụng thì phải thông báo cho UBND xã/phường/thị trấn.

- Sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục đích.

- Vị trí công trình khai thác không được gây cản trở các hoạt động khai thác những mặt lợi khác của nguồn nước.

- Bảo đảm duy trì dòng chảy môi trường.
- Chấp hành các quy định khác của cấp có thẩm quyền.

(Tổ chức/cá nhân đăng ký) cam kết chấp hành đúng nội dung quy định trong bản đăng ký và quy định pháp luật có liên quan./.

..., ngày tháng năm 20

Xác nhận của UBND cấp xã

(ký, đóng dấu)

Tên tổ chức/cá nhân đăng ký

(ký, ghi rõ họ tên)

**HƯỚNG DẪN VIẾT BẢN ĐĂNG KÝ
KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC MẶT**

(1) UBND xã/phường/thị trấn nơi đặt công trình khai thác, sử dụng nước mặt.

(2) Tên tổ chức/cá nhân đăng ký:

- Đối với cá nhân: ghi rõ họ và tên.

- Đối với tổ chức: ghi rõ tên tổ chức.

(3) Trụ sở của tổ chức hoặc nơi cư trú của cá nhân đăng ký.

(4) Ghi cụ thể mục đích khai thác (tưới, cấp nước sinh hoạt, công nghiệp, khai khoáng, phát điện, nuôi trồng thủy sản, ...) Nếu cấp nước tưới thì phải ghi rõ diện tích tưới, loại cây trồng, vị trí khu vực tưới.

(5) Ghi tên sông, suối, hồ, đầm, ao đăng ký khai thác.

(6) Ghi rõ vị trí công trình khai thác (thôn/xóm/tổ, xã/phường, huyện/thành phố/thị xã).

(7) Nêu rõ công trình đang hoạt động hay chuẩn bị xây dựng.

(8) Loại hình công trình khai thác: nêu rõ máy bơm, trạm bơm nước, ...

(9) Tổng lượng nước khai thác trong một ngày đêm.

MẪU SỐ 03*(Ban hành kèm theo Quy định Quản lý Tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh TN)***CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**BẢN ĐĂNG KÝ**
XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC

Kính gửi: UBND xã/phường/thị trấn.... (1)

1. Tổ chức/cá nhân đăng ký:

1.1. Tên tổ chức/cá nhân: (2)

1.2. Địa chỉ: (3)

1.3. Điện thoại: Fax: Email:

2. Nội dung đăng ký:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải.....(4)

2.2. Vị trí nơi xả thải: (5)

2.3. Phương thức xả thải: (6)

2.4. Thời gian xả thải:.....(7)

2.5. Loại nước thải:(8)

2.6. Chất lượng nước thải: (9)

2.7. Lưu lượng xả thải: (m³/ngày đêm)..... (10)

2.8. Cam kết xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn theo quy định:..... (11)

3. (Tên tổ chức/cá nhân đăng ký) cam kết chấp hành như sau:

- Không thay đổi vị trí xả nước thải (trường hợp có thay đổi vị trí xả nước thải thì phải được sự đồng ý của cấp có thẩm quyền).

- Công trình xả nước thải không còn sử dụng hoặc không có nhu cầu, kế hoạch sử dụng thì phải thông báo cho UBND xã/phường/thị trấn.

- Đảm bảo chất lượng nước thải đạt tiêu chuẩn quy định trước khi thải ra môi trường.

- Chấp hành các quy định khác của cấp có thẩm quyền.

(Tổ chức/cá nhân đăng ký) cam kết chấp hành đúng nội dung quy định trong bản đăng ký và quy định pháp luật có liên quan./.

..., ngày tháng năm 20

Xác nhận của UBND cấp xã

(ký, đóng dấu)

Tên tổ chức/cá nhân đăng ký

(ký, ghi rõ họ tên)

**HƯỚNG DẪN VIẾT BẢN ĐĂNG KÝ
XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC**

(1) UBND cấp huyện nơi đặt công trình xả nước thải vào nguồn nước

(2) Tên tổ chức/cá nhân đăng ký:

- Đối với cá nhân: ghi rõ họ, tên, số CMND, ngày và nơi cấp, cơ quan cấp.

- Đối với tổ chức: ghi rõ tên tổ chức, ngày/tháng/năm thành lập, số và ngày, cơ quan ký quyết định thành lập hoặc số giấy đăng ký kinh doanh, giấy phép đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

(3) Trụ sở của tổ chức hoặc nơi cư trú của cá nhân đăng ký.

(4) Ghi tên sông, suối, hồ, đầm, ao đăng ký xả nước thải vào.

(5) Ghi rõ ấp,xã/phường, huyện/thị/thành phố nơi đặt công trình xả thải.

(6) Nêu phương thức xả thải: bom, tự chảy, xả ngầm, xả mặt, xả ven bờ, xả giữa hồ, sông, ...

(7) Nêu rõ thời gian xả thải trong ngày (từ giờ đến giờ).

(8) Nêu rõ nguồn gốc nước thải: sinh hoạt, sản xuất tiểu thủ công nghiệp (loại hình gì), nuôi trồng thủy sản, ...

(9) Ghi rõ nước thải đã qua xử lý đạt TCVN theo quy định hoặc chưa qua xử lý.

(10) Lưu lượng xả thải trong một ngày đêm.

(11) Ghi rõ thời gian đơn vị cam kết xử lý nước thải đạt TCVN theo quy định.

(12) Các giấy tờ, tài liệu kèm theo:

- Kết quả phân tích mẫu nước (nếu có)

- Vị trí xả nước thải nằm trên diện tích đất của (tên người có quyền sử dụng đất). Nếu không thuộc quyền sử dụng đất của tổ chức/cá nhân đăng ký thì phải có văn bản thoả thuận cho sử dụng đất giữa 02 bên và được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi đặt công trình xác nhận.